

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 2 NĂM 2026**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	4
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	5 – 31

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

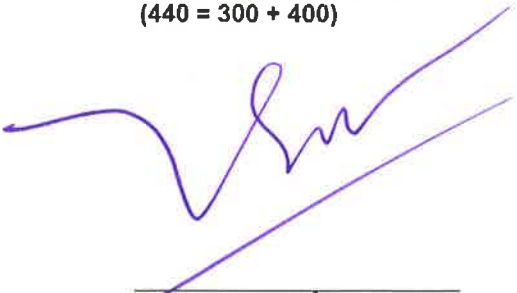
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.841.019.358.294	1.737.849.525.172
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1a	33.378.657.249	25.079.624.684
1. Tiền	111		28.373.565.468	17.072.326.054
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.005.091.781	8.007.298.630
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.803.303.043.474	1.708.714.500.801
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.784.508.189	1.960.508.189
2. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.3a	1.799.518.535.285	1.706.753.992.612
III. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.337.657.571	4.055.399.687
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	744.309.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		426.051.246	888.102.362
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.10	1.667.297.325	1.667.297.325
4. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.1b	1.500.000.000	1.500.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.350.052.812.788	5.311.079.351.172
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		716.725.800	716.725.800
3. Phải thu dài hạn khác	215	V.3b	716.725.800	716.725.800
II. Tài sản cố định	220		2.235.972.303	2.531.016.705
2. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	2.235.972.303	2.531.016.705
- Nguyên giá	222		6.823.006.016	6.823.006.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.587.033.713)	(4.291.989.311)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260		5.343.006.732.083	5.302.496.780.163
2. Đầu tư vào công ty con	261	V.6	4.687.715.708.847	4.687.715.708.847
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.4	655.291.023.236	614.781.071.316
IV. Tài sản dài hạn khác	270		4.093.382.602	5.334.828.504
2. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	4.093.382.602	5.334.828.504
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.191.072.171.082	7.048.928.876.344

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.008.631.673.557	3.975.566.162.511
I. Nợ ngắn hạn	310		1.108.067.673.557	745.193.453.549
2. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	8.316.265.885	8.300.710.965
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	-	476.098.580
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.701.020.726	811.741.596
5. Phải trả người lao động	315		1.497.700.000	1.000.000.000
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	194.545.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.11	367.877.711.801	360.263.389.505
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.12	723.167.133.384	371.739.011.085
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.507.841.761	2.407.956.818
II. Nợ dài hạn	330		2.900.564.000.000	3.230.372.708.962
2. Phải trả dài hạn khác	338	V.11	7.300.000.000	7.300.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.12	2.893.264.000.000	3.223.072.708.962
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.182.440.497.525	3.073.362.713.833
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	3.182.440.497.525	3.073.362.713.833
2. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.121.303.080.000	2.121.303.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.121.303.080.000	2.121.303.080.000
4. Thặng dư vốn	412		3.138.829.914	3.138.829.914
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	91.212.950.485
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		966.785.637.126	857.707.853.434
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		847.994.943.642	533.944.193.710
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	420b		118.790.693.484	323.763.659.724
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.191.072.171.082	7.048.928.876.344


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Người đại diện theo Pháp luật

Phê duyệt, Ngày ...tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 2 năm 2026

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2026	Quý 2/2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Đơn vị tính: VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.196.134.186	1.814.296.670	7.563.020.568	3.861.375.377	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.196.134.186	1.814.296.670	7.563.020.568	3.861.375.377	
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.570.729.492	1.920.311.400	5.963.872.607	3.727.722.313	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.625.404.694	(106.014.730)	1.599.147.961	133.653.064	
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21						
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	132.574.083.538	130.740.349.484	320.108.674.126	309.769.865.522	
8.	Chi phí tài chính	23	VI.4	96.832.343.102	93.851.425.399	194.760.470.452	186.645.895.073	
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		96.832.343.102	93.851.425.399	194.760.470.452	186.645.895.073	
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-	
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.468.662.475	3.004.416.681	8.164.819.818	5.114.726.485	
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)]	30		32.898.482.655	33.778.492.674	118.782.531.817	118.142.897.028	
12.	Thu nhập khác	31		8.161.654	-	8.161.667	-	
13.	Chi phí khác	32		-	35.997.229	-	35.997.229	
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		8.161.654	(35.997.229)	8.161.667	(35.997.229)	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		32.906.644.309	33.742.495.445	118.790.693.484	118.106.899.799	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-	-	-	
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		32.906.644.309	33.742.495.445	118.790.693.484	118.106.899.799	



Phường Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng

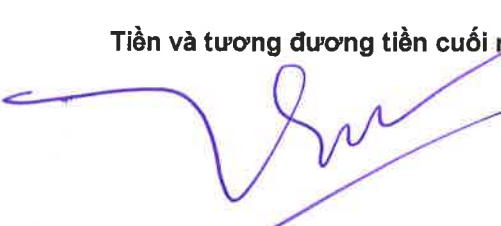


Nguyễn Văn Chính
Người đại diện theo Pháp luật
Phê duyệt, Ngày ...tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	118.790.693.484	118.106.899.799
2 Điều chỉnh cho các khoản			-
Khấu hao tài sản cố định	02	295.044.402	322.080.429
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(320.108.674.126)	(309.769.865.522)
Chi phí lãi vay	06	194.760.470.452	186.645.895.073
3 Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	(6.262.465.788)	(4.694.990.221)
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	16.671.286.076	1.150.106.681
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	-	57.285.426
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.946.886.390)	(6.347.536.906)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	497.136.902	(2.889.794.266)
Tiền lãi vay đã trả	14	(177.705.007.894)	(132.833.352.755)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.375.388.251)	(3.138.331.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(182.121.325.345)	(148.696.613.041)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(80.000.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(57.970.000.000)	(356.185.000.000)
2. khác	24	-	414.392.889.814
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25	-	(323.035.306.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	226.770.944.573	186.527.032.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	168.800.944.573	(78.380.383.381)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	92.945.552.084	745.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(71.326.138.747)	(516.965.022.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.619.413.337	228.034.977.352
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.299.032.565	957.980.930
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	25.079.624.684	14.279.355.620
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	33.378.657.249	15.237.336.550


Phùng Thị Thẩm
 Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
 Người đại diện theo Pháp luật

Phê duyệt, Ngày ...tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 2 năm 2026

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300482241 do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 24 ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CIIT"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,87%, trong đó sở hữu trực tiếp 47,29% và sở hữu gián tiếp 7,58% thông qua hai công ty con là Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ và Đầu tư CII.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 2.121.303.080.000 đồng được chia thành 212.130.308 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số Tầng 21, 152 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 27 và 26 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: sản xuất thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; lắp đặt hệ thống điện; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; sửa chữa thiết bị điện; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; hoạt động của các cơ sở, câu lạc bộ thể thao; quảng cáo; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; phá dỡ; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, nhà để ở, không để ở; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); thi công, lắp đặt hệ thống thiết bị thu phí, duy tu bảo dưỡng công trình giao thông và công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

Tên công ty	30/06/2026				01/01/2026				Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích			
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	89%	89%	0%	89%	89%	89%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	0%	51%	51%	51%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	50,36%	50,71%	0%	50,36%	50,71%	50,71%	0%	Tỉnh Vĩnh Long (trước là tỉnh Bến Tre)	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miếu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	0%	51%	51%	51%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre	
6. Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	100%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường	
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm	
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	0%	66,67%	66,67%	66,67%	0%	Tp. Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương)	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác	
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình)	100%	100%	100%	100%	100%	0%	100%	Tp. Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương)	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Do đó thông tin trình bày trong báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được..

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý 2 năm 2026

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Chứng khoán kinh doanh* (tiếp theo)

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Giá thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Đối với cổ phiếu giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định về mức trích lập của các khoản đầu tư khác. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.
- Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí chờ phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được công bố và chi trả trong kỳ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong kỳ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý 2 năm 2026

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý 2 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**1. a. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.373.565.468	17.072.326.054
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.840.350.580	4.251.564.716
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở Miền Nam	23.892.134.001	12.498.682.097
Các ngân hàng khác	641.080.887	322.079.241
Các khoản tương đương tiền (i)	5.005.091.781	8.007.298.630
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.005.091.781	8.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi		7.298.630
Cộng	33.378.657.249	25.079.624.684

b. Tài sản ngắn hạn khác

Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)

	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng.

(ii) Tài sản ngắn hạn khác là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 2,1%/năm. Số dư cuối kỳ số tiền 1.500.000.000 đồng được sử dụng để cầm cố bảo đảm cho các công trình trong giai đoạn bảo hành và các khoản cầm cố bảo lãnh khác.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu các bên khác	492.614.181	492.614.181
Các khách hàng khác	492.614.181	492.614.181
Phải thu bên liên quan	3.291.894.008	1.467.894.008
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	324.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	1.500.000.000	-
CÔNG TY TNHH ĐỐI TÁC CÔNG TƯ CII	648.000.000	-
Cộng	3.784.508.189	1.960.508.189

3. Phải thu khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.727.474.359.188	1.634.136.629.635
Tạm góp vốn bổ sung vào dự án cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận	47.275.800.000	47.275.800.000
Đặt cọc mua cổ phần (i)	24.699.376.097	25.327.562.977
Phải thu người lao động	55.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Cộng	1.799.518.535.285	1.706.753.992.612
b. Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	716.725.800	716.725.800
Cộng	1.800.235.261.085	1.707.470.718.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý 2 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**3. Phải thu khác** (tiếp theo)

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Cổ tức và lợi nhuận phải thu	1.727.474.359.188	1.634.136.629.635
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	559.819.593.042	566.929.713.046
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	738.083.839.607	512.668.380.961
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	153.378.540.781	259.659.488.695
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	267.506.081.732	286.192.742.907
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	8.686.304.026	8.686.304.026
Phải thu khác	47.275.800.000	47.275.800.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	47.275.800.000	47.275.800.000
Tổng cộng phải thu ngắn hạn	1.774.750.159.188	1.681.412.429.635
Phải thu dài hạn khác	716.725.800	716.725.800
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	716.725.800	716.725.800
Tổng cộng	1.775.466.884.988	1.682.129.155.435

(i) Số dư cuối kỳ kế toán thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc theo thỏa thuận hứa mua hứa bán ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuần Lộc hứa bán và Công ty hứa mua số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuần Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận hoặc trước ngày đáo hạn cuối cùng theo thỏa thuận.

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		
Các bên liên quan (i)	653.870.448.729	613.410.833.155
Các đối tượng khác (ii)	1.420.574.507	1.370.238.161
Cộng	655.291.023.236	614.781.071.316

- (i) Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 06 tháng 11 năm 2030. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 10,77% – 11,73%/năm. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 653.870.448.729 đồng.
- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ phần Trung Lương - Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuần Lộc trong Công ty Cổ phần Trung Lương Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2026	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	445.705.400	689.488.888	6.823.006.016
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	445.705.400	689.488.888	6.823.006.016
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	826.219.152	169.898.445	2.762.397.461	274.915.908	258.558.345	4.291.989.311
Khấu hao trong năm	3.568.992	32.883.570	144.204.594	24.046.266	90.340.980	295.044.402
Tại ngày 30/06/2026	829.788.144	202.782.015	2.906.602.055	298.962.174	348.899.325	4.587.033.713
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	28.540.504	290.471.555	1.610.284.611	170.789.492	430.930.543	2.531.016.705
Tại ngày 30/06/2026	24.971.512	257.587.985	1.466.080.017	146.743.226	340.589.563	2.235.972.303

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 2.881.534.990 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2026			01/01/2026				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	147.940.699	1.889.009.917.776	-	-	147.940.699	1.889.009.917.776	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	-	94.350.000	943.500.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	607.325.833.333	-	-	-	607.325.833.333	-	-
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	-	659.031.334.454	-	-	-	659.031.334.454	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	-	242.278.623.284	-	-	-	242.278.623.284	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	-	21.998.000	219.980.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	106.590.000.000	-	-	-	106.590.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	2.000.000	20.000.000.000	-	-	2.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng		4.687.715.708.847	-	-		4.687.715.708.847	-	-

Giá trị hợp lý của các công ty con không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)**7. Chi phí chờ phân bổ**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	744.309.000	
Cộng	744.309.000	0
b. Dài hạn		
Chi phí phát triển dự án	2.885.676.353	3.604.509.351
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	1.207.706.249	1.730.319.153
Cộng	4.093.382.602	5.334.828.504
Tổng cộng	4.837.691.602	5.334.828.504

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
<i>Giá trị ghi sổ đồng thời là số có khả năng thanh toán</i>		
Phải trả các bên khác	8.300.710.965	8.300.710.965
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	3.434.857.499	3.434.857.499
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.865.853.466	1.865.853.466
Phải trả các bên liên quan	15.554.920	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	15.554.920	-
Cộng	8.316.265.885	8.300.710.965

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	476.098.580
Cộng	-	476.098.580

*Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Ninh Thuận*

- 476.098.580

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2026	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh	489.865.770	-	-	489.865.770
Cộng	1.667.297.325	-	-	1.667.297.325
b. Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	811.741.596	1.920.571.376	1.775.601.246	956.711.726
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.488.618.000	744.309.000	744.309.000
Cộng	811.741.596	3.409.189.376	2.519.910.246	1.701.020.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)**11. Phải trả khác**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a. Ngắn hạn		
Nhận hoàn vốn đầu tư (i)	219.980.000.000	219.980.000.000
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	109.549.509.355	109.549.509.355
Phải trả chi phí sử dụng vốn	30.985.038.010	28.120.669.045
Thù lao Hội đồng Quản trị	3.814.217.094	2.565.621.128
Các khoản thu hộ	3.512.700.000	
Cổ tức phải trả		
Các khoản phải trả khác	36.247.342	47.589.977
	367.877.711.801	360.263.389.505
b. Dài hạn		
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
Cộng	7.300.000.000	7.300.000.000
Cộng	375.177.711.801	367.563.389.505
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan		
<i>Khoản nhận trước vốn góp đầu tư</i>	219.980.000.000	219.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	219.980.000.000	219.980.000.000
<i>Lợi nhuận nhận trước</i>	109.549.509.355	109.549.509.355
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	109.549.509.355	109.549.509.355
<i>Chi phí sử dụng vốn</i>	30.985.038.010	28.120.669.045
Công ty CII	30.985.038.010	28.120.669.045
Cộng	360.514.547.365	357.650.178.400

(i) Đây là khoản nhận trước tiền hoàn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận, công ty con thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất việc quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của các công ty con bao gồm Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu với giá trị là 109.549.509.355 đồng. Số tiền này sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

12 Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay ngắn hạn

	30/06/2026		Phát sinh trong năm		01/01/2026	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CII – Công ty mẹ	310.922.311.669	310.922.311.669	92.945.552.084	181.818.834	218.158.578.419	218.158.578.419
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	412.244.821.715	412.244.821.715			153.580.432.666	153.580.432.666
Cộng	723.167.133.384	723.167.133.384	92.945.552.084	181.818.834	371.739.011.085	371.739.011.085

Chi tiết các khoản hỗ trợ vốn từ Công ty mẹ cuối kỳ bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 23/2020/HĐHT-CII ngày 21 tháng 7 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích hợp tác kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2027 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 293.819.755.214 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 27/2015/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2015 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2027, tài sản đảm bảo là cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 6.302.556.455 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 15/2020/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2027 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 10.800.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn

	30/06/2026		Phát sinh trong kỳ		01/01/2026	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	3.305.508.821.715	3.305.508.821.715	14.191.093.593	85.335.413.506	3.376.653.141.628	3.376.653.141.628
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(412.244.821.715)	(412.244.821.715)			(153.580.432.666)	(153.580.432.666)
Cộng	2.893.264.000.000	2.893.264.000.000	14.191.093.593	85.335.413.506	3.223.072.708.962	3.223.072.708.962
Tổng cộng các khoản vay	3.616.431.133.384	3.616.431.133.384	107.136.645.677	85.517.232.340	3.594.811.720.047	3.594.811.720.047

Số dư cuối kỳ của bên liên quan thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30/06/2026 là 896.250.000.000 đồng.
- Khoản phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30/06/2026 là 1.297.585.471.010 đồng.
- Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2023. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30/06/2026 là 854.481.548.150 đồng.
- Khoản vốn nhận hợp tác để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% với Công ty CII Invest (trước đây là hợp tác với Công ty CII) có giá trị tại ngày 30/06/2026 là 257.191.802.555 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Lịch hoàn trả các khoản nhận vốn hợp tác đầu tư như sau:

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	412.244.821.715	153.580.432.666
Trong năm thứ hai	372.615.000.000	192.490.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.520.649.000.000	2.723.082.000.000
Sau năm năm	-	307.500.708.962
Cộng	3.305.508.821.715	3.376.653.141.628
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(412.244.821.715)	(153.580.432.666)
Số phải trả sau 12 tháng	2.893.264.000.000	3.223.072.708.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026

V.. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	773.000.154.590	2.796.418.503.171
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	118.106.899.799	118.106.899.799
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.104.194.304)	(6.104.194.304)
Trích thu lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.526.048.576)	(1.526.048.576)
Tại ngày 30/06/2025	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	883.476.811.509	2.906.895.160.090
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	205.656.759.925	205.656.759.925
Chia cổ tức	-	-	-	(231.425.718.000)	(231.425.718.000)
Tăng vốn trong năm	192.755.430.000	(518.918.182)	-	-	192.236.511.818
Tại ngày 31/12/2025	2.121.303.080.000	3.138.829.914	91.212.950.485	857.707.853.434	3.073.362.713.833
Tại ngày 01/01/2026	2.121.303.080.000	3.138.829.914	91.212.950.485	857.707.853.434	3.073.362.713.833
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	118.790.693.484	118.790.693.484
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.475.273.194)	(6.475.273.194)
Trích thu lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.237.636.598)	(3.237.636.598)
Tại ngày 30/06/2026	2.121.303.080.000	3.138.829.914	91.212.950.485	966.785.637.126	3.182.440.497.525



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý 2 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**13. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	212.130.308	212.130.308
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	212.130.308	212.130.308
+ Cổ phiếu phổ thông	212.130.308	212.130.308
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	212.130.308	212.130.308
+ Cổ phiếu phổ thông	212.130.308	212.130.308
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24 tháng 04 năm 2026 đã thông qua việc chia tức từ lợi nhuận sau thuế năm với tỷ 17% (trong đó 9% là của lợi nhuận sau thuế năm 2025 và 8% là lợi nhuận sau thuế của các năm trước) bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến từ 10-12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2026.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.563.020.568	3.861.375.377
Cộng	7.563.020.568	3.861.375.377
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	3.580.825.990	1.719.604.209
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	272.727.274	436.363.638
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	980.181.818	1.018.710.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH Đối Tác Công Tư CII	600.000.000	
Công ty CII	1.027.777.778	26.697.530
Cộng	7.121.512.860	3.861.375.377

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.963.872.607	3.727.722.313
Cộng	5.963.872.607	3.727.722.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG** (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	285.228.797.471	262.168.746.420
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.879.876.655	47.601.119.102
Cộng	320.108.674.126	309.769.865.522

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	285.228.797.471	262.168.746.420
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	225.415.458.646	164.380.352.809
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	25.500.000.000	79.858.421.880
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	34.313.338.825	16.338.761.124
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII		61.210.607
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		1.530.000.000
Lãi hỗ trợ vốn	34.733.916.944	47.261.234.497
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	34.733.916.944	21.920.126.265
Công ty CII		25.341.108.232
Cộng	319.962.714.415	309.429.980.917

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư	194.760.470.452	186.645.895.073
Cộng	194.760.470.452	186.645.895.073

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	52.431.095.890	51.072.609.589
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	40.349.068.898	41.567.188.563
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	73.691.127.290	72.613.068.007
Công ty CII	14.098.084.781	2.132.838.164
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII	14.191.093.593	19.074.804.448
Cộng	194.760.470.452	186.460.508.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG** (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.632.782.033	2.136.393.405
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.129.630	442.120.525
Chi phí khấu hao	325.386.514	204.995.337
Chi phí phát triển dự án		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.175.619.403	1.188.680.516
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.999.902.238	1.142.536.702
Cộng	8.164.819.818	5.114.726.485
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan		
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	1.160.927.256	-
Cộng	1.160.927.256	-

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	118.790.693.484	118.106.899.799
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	76.243.271.922	61.872.060.301
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(285.228.797.471)	(262.168.746.420)
Lỗ tính thuế	(90.194.832.065)	(82.189.786.320)
Lỗ tính thuế mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty con
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Công ty trong cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

Ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày trong báo cáo. Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Công ty CII		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn		17.185.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn		394.392.889.814
Lãi phải trả phát sinh trong kỳ	14.098.084.781	2.132.838.164
Nhận tiền hỗ trợ vốn	71.848.000.000	
Thanh toán nợ gốc hỗ trợ vốn	181.818.834	
Thanh toán nợ lãi hỗ trợ vốn	48.318.181.166	
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	57.970.000.000	74.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn		20.000.000.000
Nhận tiền lãi hỗ trợ vốn	54.827.792.568	17.327.645.785
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận tiền cổ tức	32.610.120.004	44.987.727.683
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Thanh toán tiền công nợ đối soát	476.098.580	
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình		
Chuyển tiền góp vốn		323.000.000.000
Nhận tiền cổ tức	53.000.000.000	10.185.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII		
Mua dịch vụ	-	2.377.722.220
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	2.987.685.567	8.718.351.364
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Nhận tiền hợp tác đầu tư		480.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	52.347.727.939	12.547.654.594
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	30.000.000.000	17.000.000.000
Mua dịch vụ		1.475.036.046
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư		480.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Nhận tiền cổ tức	106.280.947.914	66.037.666.646

Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát chi trả trong kỳ

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	287.073.000	167.707.286
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	117.362.000	-
Ông Jose Ma. Kamantigue Lim	Phó Chủ tịch	112.296.000	134.165.829
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	191.382.000	111.804.858
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	191.382.000	111.804.858
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	191.382.000	111.804.858
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	191.382.000	111.804.858
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	97.778.000	111.804.858
Ông Luis Soriano Refon	Thành viên	93.604.000	-
Ông Đặng Quang Phục	Thư ký	57.414.000	33.541.455
Cộng		1.531.055.000	894.438.860
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	153.105.000	89.443.886
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	114.829.000	67.082.915
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	114.829.000	67.082.915
Cộng		382.763.000	223.609.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.412.128.554	1.059.538.734
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	684.274.066	639.452.307
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.053.786.154	462.552.722
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	445.997.143	338.737.500
Cộng		3.596.185.917	2.500.281.263

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	-	323.035.306.000
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	92.945.552.084	745.000.000.000
Cộng	92.945.552.084	745.000.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	71.326.138.747	516.965.022.648
Cộng	71.326.138.747	516.965.022.648

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng kỳ này do việc áp dụng Thông tư số: 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 2 năm 2026

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3.. Số liệu so sánh (tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Mã số	Khoản mục	Số đầu kỳ (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Đơn vị: VND Số đầu kỳ (Được trình bày lại)
112	Các khoản tương đương tiền	(1) 9.500.000.000	(1.492.701.370)	8.007.298.630
135	Phải thu ngắn hạn khác	(1) 1.727.031.205.027	(20.277.212.415)	1.706.753.992.612
165	Tài sản ngắn hạn khác	(1) (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	(2) (*)	614.781.071.316	614.781.071.316
215	Phải thu về cho vay dài hạn	(2) 594.511.157.531	(594.511.157.531)	(**)
320	Phải trả ngắn hạn khác	(3) 153.580.432.666	(153.580.432.666)	(**)
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(3) (*)	153.580.432.666	153.580.432.666
338	Phải trả dài hạn khác	(4) 3.223.072.708.962	(3.223.072.708.962)	(**)
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(4) (*)	3.223.072.708.962	3.223.072.708.962

(*) Các chỉ tiêu mới của báo cáo tình hình tài chính riêng theo Thông tư 99.

(**) Các chỉ tiêu của báo cáo tình hình tài chính riêng không còn được trình bày theo Thông tư 99.

- (1) Phân loại phải thu ngắn hạn khác sang các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và phân loại các khoản tương đương tiền sang tài sản ngắn hạn khác
- (2) Phân loại phải thu về cho vay dài hạn sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn.
- (3) Phân loại khoản nhận vốn góp hợp tác kinh doanh từ phải trả ngắn hạn khác sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- (4) Phân loại khoản nhận vốn góp hợp tác kinh doanh từ phải trả dài hạn khác sang vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng.

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Người đại diện theo Pháp luật

Phê duyệt, Ngày ...tháng 07 năm 2026